



**Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
và công ty con**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2017**



Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thông tin về Công ty

Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005

**Giấy chứng nhận
đăng ký doanh nghiệp số** 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006
0300437898 ngày 13 tháng 12 năm 2013
0300437898 ngày 31 tháng 8 năm 2017

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300437898 ngày 31 tháng 8 năm 2017. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các giấy điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Mạnh Cường	Chủ tịch
Ông Vũ Xuân Trung	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Hoài An	Ủy viên
Ông Hoàng Hoa Phòng	Ủy viên
Ông Trịnh Vũ Khoa	Ủy viên
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Ủy viên
Ông Lê Anh Tuấn	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Ông Hoàng Việt	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Mạnh Hùng	Thành viên
Ông Lê Hoàng	Thành viên
Ông Vũ Xuân Hưng	Thành viên
Bà Đặng Thị Hồng Liên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Vũ Xuân Trung	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Vũ Khoa	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Trang	Phó Tổng Giám đốc
Ông Hoàng Hoa Phòng	Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 1 tháng 2 năm 2018)

Trụ sở đăng ký

Lầu 5, tòa nhà Petroland
Số 12 đường Tân Trào
Phường Tân Phú
Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”) cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 46 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Nhóm công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Nhóm công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Ông Vũ Xuân Trung
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) và công ty con (gọi chung là “Nhóm công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 30 tháng 3 năm 2018, được trình bày từ trang 5 đến trang 46.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Nhóm công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc của Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Nhóm Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 17-01-319H



Hà Vũ Định

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0414-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Thanh Nghị

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0304-2018-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 30 tháng 3 năm 2018

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		365.605.948.717	336.789.750.016
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	155.122.488.924	133.564.375.448
Tiền	111		113.122.202.480	90.464.375.448
Các khoản tương đương tiền	112		42.000.286.444	43.100.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		31.500.500.000	30.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	31.500.500.000	30.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		167.333.875.189	163.268.378.444
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	139.598.389.781	140.149.021.418
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		3.907.161.629	2.326.263.560
Phải thu ngắn hạn khác	136	7(a)	29.638.810.555	27.904.054.400
Dự phòng phải thu khó đòi	137	8	(5.810.486.776)	(7.110.960.934)
Hàng tồn kho	140		877.500	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		11.648.207.104	9.956.996.124
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		311.393.335	746.701.605
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		10.924.675.012	8.758.303.474
Thuế phải thu Nhà nước	153	15(b)	412.138.757	451.991.045

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		279.986.140.339	282.213.534.845
Các khoản phải thu dài hạn	210		8.961.498.470	8.410.338.470
Phải thu dài hạn khác	216	7(b)	8.961.498.470	8.410.338.470
Tài sản cố định	220		76.372.578.299	138.778.513.859
Tài sản cố định hữu hình	221	9	57.342.444.148	58.883.230.086
Nguyên giá	222		140.619.478.905	140.949.131.702
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(83.277.034.757)	(82.065.901.616)
Tài sản cố định vô hình	227	10	19.030.134.151	79.895.283.773
Nguyên giá	228		22.381.234.828	83.228.221.328
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(3.351.100.677)	(3.332.937.555)
Bất động sản đầu tư	230	11	41.475.160.971	45.616.681.501
Nguyên giá	231		74.584.104.356	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(33.108.943.385)	(28.967.422.855)
Tài sản dở dang dài hạn	240		75.633.580.914	75.483.217.403
Xây dựng cơ bản dở dang	242	12	75.633.580.914	75.483.217.403
Đầu tư tài chính dài hạn	250	5(b)	15.717.542.263	12.008.727.010
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252		4.113.075.780	414.395.004
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11.604.466.483	11.594.332.006
Tài sản dài hạn khác	260		61.825.779.422	1.916.056.602
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	61.825.779.422	1.916.056.602
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		645.592.089.056	619.003.284.861

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN


(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		273.037.949.252	267.637.608.532
Nợ ngắn hạn	310		270.207.742.374	259.166.290.074
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	109.390.961.993	87.912.963.769
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		8.709.356.891	10.427.135.577
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15(a)	11.181.410.117	12.987.341.304
Phải trả người lao động	314		24.051.172.365	37.132.033.324
Chi phí phải trả ngắn hạn	315		4.653.690.807	20.037.665.286
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		181.818.182	363.483.182
Phải trả ngắn hạn khác	319	16(a)	104.498.410.382	81.846.181.306
Vay ngắn hạn	320	18(a)	96.000.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	17	7.444.921.637	8.459.486.326
Nợ dài hạn	330		2.830.206.878	8.471.318.458
Chi phí phải trả dài hạn	333		500.000.000	500.000.000
Phải trả dài hạn khác	337	16(b)	1.729.551.434	733.770.150
Vay dài hạn	338	18(b)	344.000.000	6.591.420.000
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		256.655.444	646.128.308
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		372.554.139.804	351.365.676.329
Vốn chủ sở hữu	410	19	372.554.139.804	351.365.676.329
Vốn cổ phần	411	20	128.149.940.000	116.500.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		128.149.940.000	116.500.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418	22(a)	106.923.530.597	91.269.882.762
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	22(b)	13.661.445.019	12.921.703.776
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		78.444.363.552	84.871.309.198
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		33.842.234.710	40.146.601.097
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		44.602.128.842	44.724.708.101
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		45.374.860.636	45.802.780.593
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		645.592.089.056	619.003.284.861

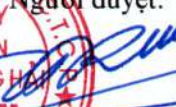
Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:

 Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

 Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán



Người duyệt:

 Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ	01	24	864.551.723.402	863.511.317.762
Giá vốn dịch vụ cung cấp	11	25	772.792.207.106	772.160.237.916
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		91.759.516.296	91.351.079.846
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	25.040.434.506	27.428.250.051
Chi phí tài chính	22	27	1.344.131.721	1.557.016.549
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		17.576.881	-
Phần lỗ trong công ty liên kết	24		(432.870.206)	(4.698.039.038)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	70.270.740.675	81.560.648.441
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 26)	30		44.752.208.200	30.963.625.869
Thu nhập khác	31	29	7.789.217.955	22.693.624.225
Chi phí khác	32	30	1.376.006.136	904.264.610
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		6.413.211.819	21.789.359.615
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		51.165.420.019	52.752.985.484
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	7.380.683.998	7.837.920.778
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	(389.472.864)	646.128.308
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		44.174.208.885	44.268.936.398

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 02 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		44.174.208.885	44.268.936.398
Phân bổ:				
Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		44.602.128.842	44.724.708.101
Lỗ sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(427.919.957)	(455.771.703)
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	3.130	3,073

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:



Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp



Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		51.165.420.019	52.752.985.484
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao	02		11.777.486.974	12.422.521.653
Các khoản dự phòng	03		47.996.310	(930.293.783)
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		52.704.104	(503.956.645)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(22.709.825.754)	(17.637.138.119)
Chi phí lãi vay	06		17.576.881	-
Xóa sổ khoản vay dài hạn	07		(6.591.420.000)	-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		33.759.938.534	46.104.118.590
Biến động các khoản phải thu	09		(7.035.635.078)	(26.813.149.265)
Biến động hàng tồn kho	10		(877.500)	175.500
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		11.678.805.414	6.492.387.411
Biến động chi phí trả trước	12		1.119.694.314	350.741.538
			39.521.925.684	26.134.273.774
Tiền lãi vay đã trả	14		(17.576.881)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.356.910.868)	(9.635.385.088)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	26.000.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(6.961.506.309)	(5.461.992.723)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		26.185.931.626	11.062.895.963

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)


Mẫu B 03 – DN/HN


(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã	Thuyết	2017	2016
	số	minh	VND	VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(5.977.811.692)	(67.244.815.123)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		1.028.284.812	25.500.000
Tiền (chi)/thu từ các khoản đầu tư ngắn hạn	23		(1.500.500.000)	7.000.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25		(4.458.000.000)	-
Tiền thu đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	26		1.722.715.558	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		21.389.287.064	36.761.232.929
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		12.203.975.742	(23.458.082.194)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền thu từ đi vay	33		2.601.969.194	2.333.081.633
Tiền trả nợ gốc vay	34		(2.161.969.194)	(9.333.081.633)
Tiền trả cổ tức	36		(17.161.548.990)	(31.455.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(16.721.548.990)	(38.455.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50		21.668.358.378	(50.850.186.231)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60		133.564.375.448	184.135.373.810
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		(110.244.902)	279.187.869
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61)	70	4	155.122.488.924	133.564.375.448

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp


 Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:



 Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (“Công ty”) được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Đại lý hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGVTT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải và đăng ký thành lập dưới hình thức công ty cổ phần. Cổ phiếu của Công ty được niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội vào ngày 22 tháng 12 năm 2015, mã chứng khoán VSA.

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 bao gồm Công ty và công ty con (được gọi chung là “Nhóm công ty”) và các lợi ích của Nhóm công ty trong các công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Nhóm Công ty là: đại lý, kiểm đếm hàng hóa; môi giới và dịch vụ hàng hải; đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; vận tải container bằng đường bộ; cho thuê văn phòng; dịch vụ cung ứng tàu biển; xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; bốc xếp hàng hóa; đại lý ký gửi hàng; vận tải đa phương quốc tế; dịch vụ lai dắt tàu biển; dịch vụ logistic; mua bán, cho thuê và sửa chữa container; kinh doanh vận tải biển; kinh doanh kho bãi; kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch; khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); dịch vụ khai thuê hải quan; kinh doanh bất động sản, xây dựng nhà và các công trình kỹ thuật dân dụng.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Nhóm công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Nhóm công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm công ty có một công ty con (1/1/2017: một công ty con) – Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm công ty có một công ty liên kết (1/1/2017: một công ty liên kết) được liệt kê trong thuyết minh 5(b).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm công ty có 619 nhân viên (1/1/2017: 636 nhân viên).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Nhóm công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Nhóm công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Nhóm công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Nhóm công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Nhóm công ty trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(iii) Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Nhóm công ty dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như lợi ích cổ đông không kiểm soát và các cấu phần vốn chủ sở hữu khác. Lãi hoặc lỗ phát sinh từ sự kiện này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó (nếu có) được ghi nhận theo giá trị ghi sổ còn lại của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất của công ty mẹ, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Nhóm công ty vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Nhóm công ty có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Nhóm công ty được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Nhóm công ty, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên kết này. Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Nhóm công ty phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Nhóm công ty trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Nhóm công ty có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Nhóm công ty và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Nhóm công ty tại công ty liên kết.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyên khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Nhóm công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi mà bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Công ty khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	6 – 44 năm
▪ máy móc và thiết bị	5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 11 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất không có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 34 đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 5 năm.

(h) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi ban quản lý. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 20 năm

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho công trình xây dựng chưa được hoàn thành. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 Hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là 50 năm.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(k) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Phần thu từ phát hành cổ phiếu vượt trên mệnh giá được ghi vào thặng dư vốn cổ phần. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ hoàn thành và được khách hàng chấp thuận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu cho thuê

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng cho thuê được ghi nhận như là một bộ phận hợp thành của tổng doanh thu cho thuê.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Nhóm công ty trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong năm. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Nhóm công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Nhóm công ty cho rằng Nhóm công ty hoạt động trên một vùng địa lý là Việt Nam và hoạt động kinh doanh chủ yếu là cung cấp dịch vụ hàng hải và dịch vụ có liên quan.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Nhóm công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Nhóm công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	2.286.157.891	2.302.530.267
Tiền gửi ngân hàng	110.836.044.589	88.161.845.181
Các khoản tương đương tiền	42.000.286.444	43.100.000.000
	<hr/>	<hr/>
	155.122.488.924	133.564.375.448
	<hr/>	<hr/>

5. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Giá trị hợp lý
	VND	VND	VND	VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn				
▪ Tiền gửi có kỳ hạn	31.500.500.000	31.500.500.000	30.000.000.000	30.000.000.000
	<hr/>			

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2017				1/1/2017			
	Số lượng	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND	Số lượng	% sở hữu	Giá trị ghi sổ VND	Dự phòng VND
Đầu tư góp vốn vào:								
▪ Công ty liên kết								
• Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) (i)		20%	4.113.075.780	-	-	-	-	-
• Công ty TNHH China Shipping Việt Nam (ii)		-	-	-	40%	414.395.004	-	-
			<hr/>			<hr/>		
			4.113.075.780	-		414.395.004	-	-
			<hr/>			<hr/>		
▪ Đơn vị khác								
• Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (iii)	913.390		7.400.160.000	-	913.390		7.400.160.000	-
• Tổng Công ty Cổ phần Thép Việt Nam	200.000		2.020.000.000	-	200.000		2.020.000.000	-
• Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	50.000		500.000.000	-	50.000		500.000.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải Việt Nam (iv)		51%	1.072.836.000	-		51%	1.072.836.000	-
• Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam		1%	63.746.040	-		1%	63.746.040	-
• Công ty liên doanh Bông Sen		0,27%	547.724.443	-		0,27%	537.589.966	-
			<hr/>			<hr/>		
			11.604.466.483	-		11.594.332.006	-	-
			<hr/>			<hr/>		
			15.717.542.263	-		12.008.727.010	-	-
			<hr/>			<hr/>		

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0314465616 ngày 16 tháng 6 năm 2017, Công ty là nhà đầu tư sở hữu 20% vốn điều lệ trong Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam), một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Nhà đầu tư sở hữu 80% vốn điều lệ còn lại là Nippon Yusen Kabushiki Kaisha (NYK Line). Tại ngày 6 tháng 7 năm 2017, Công ty đã góp đủ vốn điều lệ 200.000 USD (tương đương 4.458.770.000 VND) vào Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam) và ghi nhận khoản đầu tư vào công ty liên kết này.
- (ii) Công ty TNHH China Shipping Việt Nam là công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam với thời gian hoạt động là 15 năm kể từ ngày 11 tháng 8 năm 2004 theo Giấy chứng nhận đầu tư số 411022000393 ngày 25 tháng 12 năm 2008 do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh. Giấy chứng nhận đầu tư này thay thế Giấy phép đầu tư số 2411/GP ngày 11 tháng 8 năm 2004 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và các giấy phép đầu tư điều chỉnh. Các chủ sở hữu của công ty là China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Theo Nghị quyết số 09/2016/NQ/HĐQT-NK3-TYHK ngày 4 tháng 7 năm 2016, Hội đồng quản trị của Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã quyết định chấm dứt hợp đồng liên doanh với China Shipping Regional Holdings Pte. Ltd và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam. Công ty liên kết này đã hoàn tất các thủ tục giải thể trong năm.
- (iii) Công ty là cổ đông sáng lập Ngân hàng Thương mại Cổ phần Hàng hải Việt Nam (“MSB”) vào năm 1991. Số cổ phiếu Công ty sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.
- (iv) Theo hợp đồng liên doanh, Công ty không tham gia quản lý và điều hành công ty liên doanh. Ban Giám đốc đánh giá Công ty không có quyền kiểm soát hay ảnh hưởng đáng kể đối với công ty liên doanh. Do đó, khoản đầu tư này được phân loại là đầu tư vốn vào đơn vị khác.

Biến động của các khoản đầu tư góp vốn vào các công ty liên kết trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	414.395.004	9.474.396.147
Tăng đầu tư trong năm	4.458.000.000	-
Phần lỗ trong công ty liên kết	(432.870.206)	(4.698.039.038)
Cổ tức đã nhận trong năm	-	(3.925.765.895)
Hoàn nhập việc trích quỹ/trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong công ty liên kết	436.196.210	(436.196.210)
Xóa sổ công ty liên kết	(762.645.228)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	4.113.075.780	414.395.004

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

(a) Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	17.906.596.882	18.018.857.152
Công ty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	16.576.621.043	17.590.068.254
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	5.103.478.450	13.838.401.465
Các khách hàng khác	100.011.693.406	90.701.694.547
	<hr/>	<hr/>
	139.598.389.781	140.149.021.418
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu của khách hàng phân loại theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ngắn hạn	139.598.389.781	140.149.021.418
	<hr/>	<hr/>

(c) Phải thu của khách hàng là bên liên quan

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ		
Công ty Cổ phần Vinalines Nha Trang	125.410.683	125.410.683
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	74.468.975	72.600.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân	72.308.130	36.280.496
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	7.408.500	-
	<hr/>	<hr/>
	279.596.288	234.291.179
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

7. Các khoản phải thu khác

(a) Phải thu ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ cho các hãng tàu	14.277.091.065	11.986.296.824
Tạm ứng nhân viên	7.478.768.060	7.811.974.473
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	1.207.345.000	1.137.745.000
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.020.288.889	1.265.307.777
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.512.000	22.248.396
Phải thu khác	5.653.805.541	5.680.481.930
	<hr/>	<hr/>
	29.638.810.555	27.904.054.400
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải thu dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Ký quỹ, ký cược dài hạn	8.961.498.470	8.410.338.470
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

8. Nợ xấu và nợ khó đòi

	31/12/2017			1/1/2017			Giá trị có thể thu hồi VND	
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND		
Nợ quá hạn								
Daiichi Chuo Marine Co., Ltd. Công ty Cổ phần	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-	Trên 3 năm	5.575.895.635	5.575.895.635	-
Vinalines Nha Trang	Trên 3 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341	Từ 2 – 3 năm	125.410.683	62.705.342	62.705.341
Khách hàng khác	Trên 3 năm	158.690.390	158.690.390	-	Trên 3 năm	1.472.359.957	1.472.359.957	-
Khách hàng khác	Từ 2 – 3 năm	18.850.584	13.195.409	5.655.175	Từ 2 – 3 năm	-	-	-
Khách hàng khác	Từ 1 – 2 năm	-	-	-	Từ 1 – 2 năm	51.773.225	-	51.773.225
Khách hàng khác	Dưới 1 năm	-	-	-	Dưới 1 năm	61.696.498	-	61.696.498
		<u>5.878.847.292</u>	<u>5.810.486.776</u>	<u>68.360.516</u>		<u>7.287.135.998</u>	<u>7.110.960.934</u>	<u>176.175.064</u>

Trong đó:

Dự phòng phải thu khó đòi ngắn hạn

5.810.486.776

7.110.960.934

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017****(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)***9. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	90.587.739.447	38.015.819	45.299.154.940	5.024.221.496	140.949.131.702
Tăng trong năm	-	-	5.633.543.636	143.904.545	5.777.448.181
Thanh lý	(59.552.185)	-	(5.624.938.874)	(343.933.609)	(6.028.424.668)
Xóa sổ	(78.676.310)	-	-	-	(78.676.310)
Số dư cuối năm	90.449.510.952	38.015.819	45.307.759.702	4.824.192.432	140.619.478.905
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	44.107.158.176	38.015.819	33.398.631.092	4.522.096.529	82.065.901.616
Khấu hao trong năm	3.768.063.464	-	3.268.338.454	278.523.768	7.314.925.686
Thanh lý	(56.243.752)	-	(5.624.938.874)	(343.933.609)	(6.025.116.235)
Xóa sổ	(78.676.310)	-	-	-	(78.676.310)
Số dư cuối năm	47.740.301.578	38.015.819	31.042.030.672	4.456.686.688	83.277.034.757
Giá trị còn lại					
Số dư đầu năm	46.480.581.271	-	11.900.523.848	502.124.967	58.883.230.086
Số dư cuối năm	42.709.209.374	-	14.265.729.030	367.505.744	57.342.444.148

Trong tài sản cố định hữu hình có các tài sản có nguyên giá 39.428.089.959 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 39.772.627.046 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 710.129.219 VND (1/1/2017: không) được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho khoản vay của Nhóm Công ty (thuyết minh 18(b)).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	81.243.642.028	1.984.579.300	83.228.221.328
Tăng trong năm	-	50.000.000	50.000.000
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(60.896.986.500)	-	(60.896.986.500)
Số dư cuối năm	20.346.655.528	2.034.579.300	22.381.234.828
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	1.441.402.223	1.891.535.332	3.332.937.555
Khấu hao trong năm	225.219.012	95.821.746	321.040.758
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(302.877.636)	-	(302.877.636)
Số dư cuối năm	1.363.743.599	1.987.357.078	3.351.100.677
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	79.802.239.805	93.043.968	79.895.283.773
Số dư cuối năm	18.982.911.929	47.222.222	19.030.134.151

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản có nguyên giá 1.984.579.300 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: 123.700.000 VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc VND
Nguyên giá	
Số dư đầu năm/số dư cuối năm	74.584.104.356
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu năm	28.967.422.855
Khấu hao trong năm	4.141.520.530
Số dư cuối năm	33.108.943.385
Giá trị còn lại	
Số dư đầu năm	45.616.681.501
Số dư cuối năm	41.475.160.971

Trong bất động sản đầu tư có các tài sản có nguyên giá 459.667.090 VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: không), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Giá trị hợp lý bất động sản đầu tư không được xác định bởi vì Nhóm công ty không thể thực hiện việc định giá và không có giao dịch thị trường nào gần đây đối với bất động sản tương đồng và tương tự vị trí với các bất động sản đầu tư của Nhóm công ty.

12. Xây dựng cơ bản dở dang

	2017 VND	2016 VND
Số dư đầu năm	75.483.217.403	75.533.676.718
Tăng trong năm	150.363.511	66.822.762.914
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	-	(5.559.045.182)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình	-	(60.575.527.000)
Xóa sổ	-	(665.922.774)
Giảm khác	-	(72.727.273)
Số dư cuối năm	75.633.580.914	75.483.217.403

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Xây dựng cơ bản tại lô đất số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh	75.155.431.216	75.155.431.216
Dự án nhà văn phòng Vitamas	313.164.278	221.141.551
Dự án nhà văn phòng VOSA Nha Trang	124.985.420	106.644.636
Dự án khác	40.000.000	-
	75.633.580.914	75.483.217.403

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước VND	Công cụ và dụng cụ VND	Khác VND	Tổng VND
Số dư đầu năm	1.552.861.909	127.430.557	235.764.136	1.916.056.602
Tăng trong năm	-	44.577.273	912.861.391	957.438.664
Chuyển từ tài sản cố định vô hình	60.594.108.864	-	-	60.594.108.864
Phân bổ trong năm	(1.332.244.208)	(84.027.622)	(225.552.878)	(1.641.824.708)
Số dư cuối năm	60.814.726.565	87.980.208	923.072.649	61.825.779.422

14. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty TNHH Thương mại và Vận tải Tiến Bộ	8.305.949.527	8.305.949.527	8.943.257.555	8.943.257.555
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	7.637.542.109	7.637.542.109	5.712.068.621	5.712.068.621
Công ty Cổ phần Cảng Quảng Ninh	1.886.122.864	1.886.122.864	3.135.387.659	3.135.387.659
Các nhà cung cấp khác	91.561.347.493	91.561.347.493	70.122.249.934	70.122.249.934
	109.390.961.993	109.390.961.993	87.912.963.769	87.912.963.769

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Phải trả người bán chi tiết theo kỳ hạn thanh toán

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Ngắn hạn	109.390.961.993	109.390.961.993	87.912.963.769	87.912.963.769

(c) Phải trả người bán là bên liên quan

	31/12/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá gốc VND	Số có khả năng trả nợ VND
Công ty mẹ				
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	-	-	242.027.387	242.027.387
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ				
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	1.770.989.633	1.770.989.633	2.605.917.778	2.605.917.778
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	394.102.657	394.102.657	280.227.018	280.227.018
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	338.894.559	338.894.559	259.268.050	259.268.050
Công ty Cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh	61.203.354	61.203.354	21.428.736	21.428.736
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh	21.175.000	21.175.000	-	-
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam	-	-	144.000.000	144.000.000
	2.586.365.203	2.586.365.203	3.552.868.969	3.552.868.969

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp và phải thu Nhà nước

(a) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số phải nộp trong năm VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã căn trừ/ chuyển đi trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế					
Thuế giá trị gia tăng	692.781.618	76.436.478.635	(14.069.874.332)	(62.603.163.985)	456.221.936
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	7.380.683.998	(6.356.910.868)	(391.169.348)	632.603.782
Thuế thu nhập cá nhân	376.824.969	3.408.125.432	(3.369.435.384)	(5.519.193)	409.995.824
Thuế nhà đất	-	143.567.035	(143.567.035)	-	-
Tiền thuê đất	2.398.224.792	2.840.565.902	(4.449.262.155)	356.836.253	1.146.364.792
Các loại thuế khác	9.198.050.425	36.465.114.457	(37.126.941.099)	-	8.536.223.783
Các khoản phải nộp khác					
Các khoản phụ thu	-	416.212.149	(416.212.149)	-	-
Phí, lệ phí	321.459.500	845.455	(322.304.955)	-	-
	12.987.341.304	127.091.593.063	(66.254.507.977)	(62.643.016.273)	11.181.410.117

(b) Thuế phải thu Nhà nước

	1/1/2017 VND	Số đã nộp trong năm VND	Số đã căn trừ trong năm VND	31/12/2017 VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	408.989.603	-	(391.169.348)	17.820.255
Thuế thu nhập cá nhân	43.001.442	-	(5.519.193)	37.482.249
Tiền thuê đất	-	356.836.253	-	356.836.253
	451.991.045	356.836.253	(396.688.541)	412.138.757

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Các khoản phải trả khác

(a) Phải trả ngắn hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	73.717.585.961	60.342.573.056
Ký ngân của các hãng tàu	17.773.263.556	10.506.344.110
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	6.819.982.731	5.042.283.958
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3.737.387.440	3.737.387.440
Kinh phí công đoàn	1.378.837.956	1.546.704.626
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	519.175.835	205.724.825
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	20.210.492	21.916.080
Phải trả khác	531.966.411	443.247.211
	<hr/>	<hr/>
	104.498.410.382	81.846.181.306
	<hr/>	<hr/>

Phải trả khác cho các bên liên quan:

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Các công ty con và công ty liên kết của công ty mẹ		
Công ty Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam	589.302.499	-
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	200.093.873	-
	<hr/>	<hr/>

(b) Phải trả dài hạn khác

	31/12/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nhận tiền ký quỹ cho thuê kho bãi	1.698.763.838	694.763.838
Nhận tiền ký quỹ cho thuê văn phòng tại Ocean Park từ Europac Shipping	30.787.596	39.006.312
	<hr/>	<hr/>
	1.729.551.434	733.770.150
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Nhóm công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

	2017	2016
	VND	VND
Số dư đầu năm	8.459.486.326	6.700.125.785
Trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối (thuyết minh 19)	5.344.941.620	5.505.204.264
Sử dụng trong năm	(6.359.506.309)	(3.745.843.723)
	7.444.921.637	8.459.486.326

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông của Công ty ngày 19 tháng 5 năm 2017 đã quyết định trích quỹ khen thưởng, phúc lợi 5.344.941.620 VND (2016: 5.505.204.264 VND) từ lợi nhuận chưa phân phối.

18. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong năm		31/12/2017	
	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Giá trị ghi sổ VND	Số có khả năng trả nợ VND
Vay cán bộ công nhân viên (*)	-	-	2.121.969.194	(2.121.969.194)	-	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (thuyết minh 18 (b))	-	-	96.000.000	-	96.000.000	96.000.000
	-	-	2.217.969.194	(2.121.969.194)	96.000.000	96.000.000

(*) Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Vận tải Quốc tế phía Bắc (NorthFreight) theo Quyết định số 48/QĐ-NF ngày 31 tháng 3 năm 2017 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại chi nhánh. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2017 và không chịu lãi.

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Vay từ Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa (i)	VND	8.86%	2022	440.000.000	-
Vay từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) (ii)	CNY	Không	2023	-	6.591.420.000
				440.000.000	6.591.420.000
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (thuyết minh 18 (a))				(96.000.000)	-
				344.000.000	6.591.420.000

- (i) Khoản vay dài hạn từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Khánh Hòa theo Hợp đồng tín dụng số ATLS17/DLHH/TOY với hạn mức vay là 480.000.000 VND. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, lãi suất 8.68%/năm. Khoản vay ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình có giá trị ghi sổ là 710.129.219 VND tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 (1/1/2017: không) (thuyết minh 9).
- (ii) Khoản vay dài hạn 1.980.000 CNY tương đương 6.739.200.000 VND từ Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong) theo Hợp đồng số 1/LC-HK ngày 10 tháng 4 năm 1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi. Trong năm 2017, Công ty đã kết chuyển khoản vay này vào thu nhập khác theo thỏa thuận xóa nợ của Luen Wah Trading Co., Ltd. (Hong Kong).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	116.500.000.000	74.261.208.991	12.734.417.453	87.854.561.665	46.258.552.296	337.608.740.405
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	44.724.708.101	(455.771.703)	44.268.936.398
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	17.008.673.771	1.457.886.323	(18.466.560.094)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.505.204.264)	-	(5.505.204.264)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(23.300.000.000)	-	(23.300.000.000)
Trích lập các quỹ của công ty liên kết	-	-	-	(436.196.210)	-	(436.196.210)
Sử dụng các quỹ	-	-	(1.270.600.000)	-	-	(1.270.600.000)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	116.500.000.000	91.269.882.762	12.921.703.776	84.871.309.198	45.802.780.593	351.365.676.329
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	44.602.128.842	(427.919.957)	44.174.208.885
Trích các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu (thuyết minh 22)	-	15.653.647.835	1.341.741.243	(16.995.389.078)	-	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (thuyết minh 17)	-	-	-	(5.344.941.620)	-	(5.344.941.620)
Cổ tức (thuyết minh 21)	-	-	-	(17.475.000.000)	-	(17.475.000.000)
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu (thuyết minh 21)	11.649.940.000	-	-	(11.649.940.000)	-	-
Trích lập các quỹ của công ty liên kết	-	-	-	436.196.210	-	436.196.210
Sử dụng các quỹ	-	-	(602.000.000)	-	-	(602.000.000)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	128.149.940.000	106.923.530.597	13.661.445.019	78.444.363.552	45.374.860.636	372.554.139.804

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	12.814.994	128.149.940.000	11.650.000	116.500.000.000
Số cổ phiếu đang lưu hành Cổ phiếu phổ thông	12.814.994	128.149.940.000	11.650.000	116.500.000.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi các cổ phiếu này được phát hành lại.

21. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông đã quyết định phân phối khoản cổ tức 17.475.000.000 VND (1.500 VND trên một cổ phiếu) (2016: 23.300.000.000 VND (2.000 VND trên một cổ phiếu)).

Tại cuộc họp ngày 19 tháng 5 năm 2017, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức 11.650.000.000 VND bằng việc phát hành thêm 10% số cổ phiếu hiện hành (tương đương 1.165.000 cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu. Theo kết quả thực tế phát hành, số lượng cổ phiếu phổ thông và vốn cổ phần của Công ty tăng lên lần lượt là 1.164.994 cổ phiếu và 11.649.940.000 VND tại ngày 3 tháng 7 năm 2017. Công ty đã hoàn tất việc đăng ký niêm yết 1.164.994 cổ phiếu phổ thông mới trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và tăng vốn cổ phần lên 128.149.940.000 VND trong Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

22. Các quỹ khác thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(b) Các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, số dư các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ 11.650.000.000 VND (1/1/2017: 11.650.000.000 VND) và quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh 2.011.445.019 VND (1/1/2017: 1.271.703.776 VND).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ

	31/12/2017		1/1/2017	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	2.396.053	54.306.540.960	2.149.630	48.796.608.377
		<hr/>		<hr/>

(b) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2017 VND	1/1/2017 VND
Trong vòng một năm	5.677.013.115	5.535.968.462
Từ hai đến năm năm	13.711.023.967	10.404.990.061
Sau năm năm	42.764.648.534	60.875.463.353
	<hr/>	<hr/>
	62.152.685.616	76.816.421.876
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

	2017	2016
	VND	VND
Doanh thu bán hàng	14.296.151.471	1.547.318.182
Doanh thu đại lý vận tải	524.911.764.004	509.272.511.412
Doanh thu cho thuê kho bãi	111.104.366.784	97.921.325.673
Doanh thu đại lý tàu rời	60.871.607.491	55.727.399.056
Doanh thu cho thuê phương tiện	50.594.623.204	55.130.683.840
Doanh thu đại lý liner	25.800.528.011	22.675.745.168
Doanh thu dịch vụ tàu	22.809.668.421	52.862.826.330
Doanh thu kiểm kiện	20.063.627.194	19.590.875.825
Doanh thu kho ngoại quan	619.131.055	10.344.124.934
Doanh thu tạm nhập tái xuất	-	14.726.968.107
Doanh thu dịch vụ khác	33.480.255.767	23.711.539.235
	<hr/>	<hr/>
	864.551.723.402	863.511.317.762
	<hr/>	<hr/>

25. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

	2017	2016
	VND	VND
Hàng hóa đã bán	9.473.732.144	648.644.975
Chi phí nhân công	72.227.407.938	74.544.064.834
Chi phí khấu hao	8.902.729.961	9.422.458.889
Chi phí dịch vụ mua ngoài	652.142.339.111	660.440.458.922
Chi phí khác	30.045.997.952	27.104.610.296
	<hr/>	<hr/>
	772.792.207.106	772.160.237.916
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2017 VND	2016 VND
Cổ tức và lợi nhuận được chia	16.635.687.013	17.072.223.189
Lãi tiền gửi	4.518.715.640	5.903.376.742
Lãi từ thanh lý các khoản đầu tư tài chính	963.316.928	
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.922.714.925	3.948.693.475
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	-	503.956.645
	<hr/>	<hr/>
	25.040.434.506	27.428.250.051

27. Chi phí tài chính

	2017 VND	2016 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	1.270.352.983	1.556.726.814
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại	52.704.104	-
Chi phí lãi vay	17.576.881	-
Chi phí tài chính khác	3.497.753	289.735
	<hr/>	<hr/>
	1.344.131.721	1.557.016.549

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2017 VND	2016 VND
Chi phí nhân công	29.045.113.678	40.708.703.593
Chi phí khấu hao	2.874.757.013	3.000.062.764
Chi phí dịch vụ mua ngoài	24.947.564.786	25.781.921.618
Chi phí khác	13.403.305.198	12.069.960.466
	<hr/>	<hr/>
	70.270.740.675	81.560.648.441

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thu nhập khác

	2017 VND	2016 VND
Xóa sổ khoản vay dài hạn (thuyết minh 18(b))	6.591.420.000	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định	1.024.976.379	25.500.000
Tiền đền bù từ Công ty Cổ phần An Phú (*)	-	22.000.000.000
Xóa sổ các khoản nợ phải trả không xác định đối tượng	-	611.551.880
Các khoản khác	172.821.576	56.572.345
	<hr/> 7.789.217.955	<hr/> 22.693.624.225

(*) Theo Biên bản thỏa thuận số 54/2016/BBTT-PL ngày 4 tháng 4 năm 2016, Công ty Cổ phần An Phú đã chuyển khoản tạm ứng 22.000.000.000 VND cho Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam nhằm đền bù, hỗ trợ cho Chi nhánh Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Sài Gòn (VOSA Sài Gòn) (“VOSA Sài Gòn”) di dời khỏi văn phòng thuê tại số 3-5-7-11 Nguyễn Huệ, phường Bến Nghé, quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Công ty Cổ phần An Phú sẽ thay thế VOSA Sài Gòn trong việc quản lý, sử dụng văn phòng thuê này. VOSA Sài Gòn đã bàn giao toàn bộ văn phòng thuê cho Công ty Cổ phần An Phú vào ngày 1 tháng 8 năm 2016 theo Biên bản bàn giao nhà số 015/BBKT-AP.

30. Chi phí khác

	2017 VND	2016 VND
Các khoản bị phạt	1.306.740.976	233.727.184
Các khoản khác	69.265.160	670.537.426
	<hr/> 1.376.006.136	<hr/> 904.264.610

31. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

	2017 VND	2016 VND
Chi phí mua hàng hóa để bán lại	9.473.732.144	648.644.975
Chi phí nhân công	101.272.521.616	115.252.768.427
Chi phí khấu hao	11.777.486.974	12.422.521.653
Chi phí dịch vụ mua ngoài	677.089.903.897	686.366.380.540
Chi phí khác	43.449.303.150	39.030.570.762
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2017	2016
	VND	VND
Chi phí thuế hiện hành		
Năm hiện hành	7.380.683.998	7.837.920.778
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	162.746.691	646.128.308
Ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(552.219.555)	-
	(389.472.864)	646.128.308
Chi phí thuế thu nhập	6.991.211.134	8.484.049.086

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2017	2016
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	51.165.420.019	52.752.985.484
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	10.233.084.003	10.550.597.096
Ảnh hưởng của phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	86.574.041	939.607.808
Ảnh hưởng của việc xóa sổ khoản đầu tư vào công ty liên kết	69.650.046	-
Chi phí không được khấu trừ thuế	468.340.231	264.068.450
(Thuế thu nhập hoãn lại phải trả)/Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận	(401.223.353)	143.502.545
Thu nhập không bị tính thuế	(3.465.213.834)	(3.413.726.813)
	6.991.211.134	8.484.049.086

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty và công ty con có nghĩa vụ phải nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo mức thuế suất thông thường. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20% (2016: 20%).

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ theo kế hoạch vào quỹ khen thưởng và phúc lợi cho kỳ kế toán năm báo cáo là 4.488.000.000 VND (2016: 5.344.941.620 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 12.814.994 cổ phiếu (2016: 12.814.994 cổ phiếu), chi tiết như sau:

(i) Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông

	2017 VND	2016 VND
Lợi nhuận thuần trong năm	44.602.128.842	44.724.708.101
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (kế hoạch)	(4.488.000.000)	(5.344.941.620)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông	40.114.128.842	39.379.766.481

(ii) Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền

	2017	2016 Đã điều chỉnh lại
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành năm trước mang sang	11.650.000	11.650.000
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm (thuyết minh 21)	1.164.994	1.164.994
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 12	12.814.994	12.814.994

Điều chỉnh lại số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

	Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền (Cổ phiếu)	Lãi cơ bản trên cổ phiếu VND
Số báo cáo trước đây	11.650.000	3.461
Ảnh hưởng của số cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm (thuyết minh 21)	1.164.994	(388)
	<hr/>	<hr/>
Số đã điều chỉnh lại	12.814.994	3.073

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Nhóm công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng nên việc trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu không áp dụng.

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ Nhóm công ty có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam		
Cổ tức phải chia	8.921.700.000	16.059.060.000
Cổ tức đã trả	4.500.000.000	16.059.060.000
Chi phí thuê văn phòng	1.217.081.633	929.053.333
Tiền điện phải trả	30.372.611	25.402.292
Chi phí dịch vụ phải trả	679.591.114	622.188.387
Các bên liên quan khác		
Công ty TNHH NYK Auto Logistics (Việt Nam)		
Góp vốn	4.458.000.000	-
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Cổ tức được chia	-	3.925.765.895
Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	153.714.040
Chi phí dịch vụ phải trả	-	6.762.920
Công ty Cổ phần Vinalines Logistics Việt Nam		
Cổ tức được chia	35.000.000	30.000.000
Doanh thu cung cấp dịch vụ	27.639.893	38.287.039
Doanh thu cho thuê văn phòng	66.000.000	66.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng		
Chi phí dịch vụ phải trả	322.255.870	838.784.376
Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng		
Doanh thu cung cấp dịch vụ	162.795.000	
Chi phí dịch vụ phải trả	3.587.603.996	3.383.830.020

Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	2017	2016
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Cảng Cái Lân Doanh thu cung cấp dịch vụ	546.973.198	94.466.520
Công ty TNHH MTV Vận tải Biển Đông Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	22.357.000
Công ty Cổ phần Vận tải biển Việt Nam Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	112.578.921
Công ty Cổ phần Vận tải và thuê tàu biển Việt Nam Chi phí dịch vụ phải trả	12.727.273	-
Công ty Vận tải biển Container Vinalines Doanh thu cung cấp dịch vụ Chi phí dịch vụ phải trả	- 19.220.044	220.122.000 -
Công ty Cổ phần Cảng Cam Ranh Chi phí dịch vụ phải trả	51.457.603	11.731.115
Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn Chi phí dịch vụ phải trả	834.812.326	-
Công ty Cổ phần Cảng Cần Thơ Chi phí dịch vụ phải trả	143.448.440	270.165.314
Công ty Vận tải biển Vinalines Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	14.545.455
Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu Chi phí dịch vụ phải trả	210.002.336	-
Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao Doanh thu cung cấp dịch vụ	6.022.500	3.513.400
Thành viên Ban Giám đốc và Hội đồng Quản trị		
Tiền lương	4.725.984.657	5.190.702.424
Phụ cấp	567.400.000	871.391.714
Thưởng	651.788.307	476.981.067



Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Các giao dịch phi tiền tệ từ các hoạt động đầu tư và tài chính

	2017	2016
	VND	VND
Chia cổ tức bằng phát hành cổ phiếu	11.649.940.000	-
Nguyên giá của tài sản cố định và tài sản dài hạn khác đã mua nhưng chưa thanh toán	-	321.459.500
Lợi nhuận được chia vốn hóa vào giá gốc khoản đầu tư	10.134.477	4.542.643

36. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Thoái vốn tại Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam


Theo Nghị quyết số 02/2018/HĐQT-NK3-THYK ngày 12 tháng 2 năm 2018, Hội đồng Quản trị của Công ty đã thông qua phương án thoái 51,5% vốn cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam bằng phương thức đấu giá cổ phần công khai theo lộ thông qua tổ chức tài chính trung gian trong Quý 1 và 2 năm 2018.


37. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2017 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Nhóm Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

Ngày 30 tháng 3 năm 2018

Người lập:


 Nguyễn Lương Huy
 Kế toán tổng hợp


 Võ Trung Thắng
 Phó ban Tài chính Kế toán

Người duyệt:


 Vũ Xuân Trung
 Tổng Giám đốc

